TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2023/DS-PT
Ngày: 18-7-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi, vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Bà Lê Thị Bích Tuyền

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi, vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 196/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Phạm Quốc Th, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số 2, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 3, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

3. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số 1, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ và bà H: Ông Phạm Quốc Th, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số 2, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 14-7-2022, ngày 27-7-2022).

4. Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Số 1, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

5. Ông Huỳnh Trung C, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 1, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thụy Kim T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 7, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Quí P, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số 7, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

2. Ông Trần Thiện Ph, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Số 1, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P, ông Ph: Ông Lê Văn Ph1, sinh năm 1975 hoặc ông Bùi Duy T1, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Số 6, Phường 7, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 08-8-2022).

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số 5, khu phố H, thị trấn T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Huỳnh Trung C, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 1, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 29-8-2022).

4. Bà Phạm Thị Thúy L1, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số 8, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L1: Ông Phạm Quốc Th, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số 2, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An (Giấy ủy quyền ngày 11-8-2022).

5. Bà Nguyễn Thị Mộng T2, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Thụy Kim T - Bị đơn; Ông Trần Quí P - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

(Ông Th, bà H1, ông C, bà T và ông T1 có mặt; bà T2 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30-6-2022, ngày 15-8-2022 và quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn trình bày cụ thể như sau:

Ông Phạm Quốc Th trình bày:

Từ năm 2020, bà T là chủ hụi, ông là hụi viên do chị ruột của ông là bà Phạm Thị Thúy L1 thay ông đóng hụi cho bà T, ông có tham gia các dây hụi như sau:

Dây hụi 1: Ngày 23-11-2020, hụi một tháng khui một lần, hụi 5.000.000 đồng, gồm có 18 phần, có 18 hụi viên, hụi hoa hồng là 1.800.000 đồng, ông tham gia 01 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 23-11-2020. Ông đóng hụi sống được 17 kỳ là 61.970.000 đồng.

Dây hụi 2: Ngày 08-8-2020, hụi một tháng khui một lần, hụi 3.000.000 đồng, gồm có 22 phần, có 22 hụi viên, hụi hoa hồng là 2.200.000 đồng, ông tham gia 01 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 08-8-2020. Ông đóng hụi sống được 21 kỳ là 46.845.000 đồng.

Dây hụi 3: Ngày 13-9-2021, hụi một tháng khui một lần, hụi 5.000.000 đồng, gồm có 17 phần, có 17 hụi viên, hụi hoa hồng là 2.000.000 đồng, ông tham gia 01 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 13-9-2021. Ông đóng hụi sống được 08 kỳ là 27.475.000 đồng.

Dây hụi 4: Ngày 25-3-2021, hụi một tháng khui một lần, hụi 5.000.000 đồng, gồm có 21 phần, có 21 hụi viên, hụi hoa hồng là 2.000.000 đồng, ông tham gia 01 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 25-3-2021. Ông đóng hụi sống được 13 kỳ là 28.825.000 đồng.

Dây hụi 5: Ngày 15-11-2021, hụi một tháng khui một lần, hụi 5.000.000 đồng, gồm có 18 phần, có 18 hụi viên, hụi hoa hồng là 2.000.000 đồng, ông tham gia 01 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 15-11-2021. Ông đóng hụi sống được 06 kỳ là 21.075.000 đồng.

Dây hụi 6: Ngày 13-02-2021, hụi một tháng khui một lần, hụi 5.000.000 đồng, gồm có 16 phần, có 16 hụi viên, hụi hoa hồng là 2.000.000 đồng, ông tham gia 01 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 13-02-2021. Ông đóng hụi sống được 15 kỳ là 53.720.000 đồng.

Dây hụi 7: Ngày 13-02-2021, hụi một tháng khui một lần, hụi 5.000.000 đồng, gồm có 16 phần, có 16 hụi viên, hụi hoa hồng là 2.500.000 đồng, ông tham gia 01 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 13-02-2021. Ông đóng hụi sống được 15 kỳ là 53.720.000 đồng.

Dây hụi 8: Ngày 05-9-2021, hụi một tháng khui một lần, hụi 10.000.000 đồng, gồm có 15 phần, có 15 hụi viên, hụi hoa hồng là 5.000.000 đồng, ông tham gia 01 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 05-9-2021. Ông đóng hụi sống được 09 kỳ là 58.960.000 đồng. Dây hụi này do bà Phạm Thị Ngọc Th1 tham gia và đóng

hụi, ông không yêu cầu khởi kiện dây hụi này nữa, để bà Th1 khởi kiện bà T, ông P sau này bằng vụ án khác. Tổng cộng 7 dây hụi là 293.630.000 đồng.

Nay ông Th yêu cầu bà T, ông P phải liên đới trả cho ông Th 293.630.000 đồng vốn hụi, không tính lãi, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Phạm Thị H do ông Phạm Quốc Th đại diện trình bày:

Bà H là chủ hụi, bà T là hụi viên. Ngày 10-3-2021, hụi một tháng khui một lần, hụi 10.000.000 đồng, gồm có 25 phần, có 25 hụi viên, hụi hoa hồng là 5.000.000 đồng, bà T tham gia 01 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 10-3-2021. Bà T hốt hụi kỳ thứ 1 với số tiền là 182.200.000 đồng. Bà T đóng hụi lại được 13 tháng hụi chết, còn lại 11 kỳ hụi chết là 110.000.000 đồng.

Ngày 25-02-2022 bà T có vay của bà H số tiền 250.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất (01 tháng lãi là 3.900.000 đồng), có viết giấy mượn tiền, thời hạn vay 03 ngày, mục đích vay là để đáo hạn Ngân hàng, bà T có trả 160.000.000 đồng, còn lại là 90.000.000 đồng. Bà H yêu cầu tiếp tục lãi tính lãi từ ngày 26-5-2022 – 26-02-2023, lãi suất 1,65%/tháng là 13.365.000 đồng (90.000.000 đồng x 1,65%/tháng x 9 tháng). Tổng số tiền vốn vay và lãi là 103.365.000 đồng. Tổng cộng tiền hụi, vốn vay, lãi là 213.365.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu bà T, ông P phải liên đới trả cho bà H tổng cộng tiền hụi, tiền vốn vay và lãi là 213.365.000 đồng, yêu cầu trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Kim H1 trình bày:

Vào năm 2020 bà T là chủ hụi, bà là hụi viên, bà có tham gia các dây hụi như sau:

Dây hụi 1: Ngày 05-9-2021, hụi một tháng khui một lần, hụi 10.000.000 đồng, gồm có 15 phần, có 15 hụi viên, hụi hoa hồng là 5.000.000 đồng, bà tham gia 01 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 05-9-2020. Bà đóng hụi sống được 9 kỳ là 107.250.000 đồng (với hình thức là mua hụi của người tham gia hụi trước đó không tham gia hụi nữa).

Dây hụi 2: Ngày 13-9-2021, hụi một tháng khui một lần, hụi 5.000.000 đồng, gồm có 16 phần, có 16 hụi viên, hụi hoa hồng là 2.500.000 đồng, bà tham gia 01 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 13-9-2021. Bà đóng hụi sống được 09 kỳ là 88.950.000 đồng (trong đó bà có mua một phần hụi của dây hụi này với số tiền là 57.600.000 đồng).

Dây hụi 3: Ngày 28-3-2021, hụi một tháng khui một lần, hụi 10.000.000 đồng, gồm có 15 phần, có 15 hụi viên, hụi hoa hồng là 3.000.000 đồng, bà tham gia 01 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 28-3-2021. Bà có mua một phần hụi của dây hụi này với số tiền là 119.200.000 đồng.

Dây hụi 4: Ngày 13-9-2021, hụi một tháng khui một lần, hụi 3.000.000 đồng, gồm có 16 phần, có 16 hụi viên, hụi hoa hồng là 1.500.000 đồng, bà tham gia 01 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 13-9-2021, bà đóng hụi sống được 9 kỳ

là 19.505.000 đồng. Tổng cộng số tiền của 4 dây hụi bà đóng và mua hụi từ bà T là 334.905.000 đồng.

Nay bà H1 yêu cầu bà T, ông P phải liên đới trả cho bà H1 334.905.000 đồng vốn hụi, không tính lãi, yêu cầu trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ do ông Phạm Quốc Th đại diện trình bày:

Vào năm 2020 bà T là chủ hụi, bà Đ là hụi viên, bà Đ có tham gia các dây hụi như sau:

Dây hụi 1: Ngày 05-4-2021, hụi một tháng khui một lần, hụi 10.000.000 đồng, gồm có 17 phần, có 17 hụi viên, hụi hoa hồng, bà Đ tham gia 01 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 05-4-2021. Bà Đ đóng hụi sống được 14 kỳ là 88.315.000 đồng.

Dây hụi 2: Ngày 08-09-2021, hụi một tháng khui một lần, hụi 10.000.000 đồng, gồm có 15 phần, có 15 hụi viên, hụi hoa hồng là 5.000.000 đồng, bà Đ tham gia 02 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 08-09-2021. Bà Đ đóng hụi sống được 9 kỳ của 02 phần hụi là 112.120.000 đồng. Tổng cộng vốn hụi là 200.435.000 đồng, bà T có trả 50.000.000 đồng, số tiền còn lại là 150.435.000 đồng.

Nay bà Đ yêu cầu bà T, ông P phải liên đới trả cho bà Đ 150.435.000 đồng vốn hụi, không tính lãi, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Huỳnh Trung C trình bày:

Vào năm 2020 bà T là chủ hụi, ông là hụi viên, ông có tham gia các dây hụi như sau:

Dây hụi 1: Ngày 08-10-2021, hụi một tháng khui một lần, hụi 10.000.000 đồng, gồm có 15 phần, có 14 hụi viên, hụi hoa hồng là 3.000.000 đồng, ông tham gia 02 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 08-10-2021. Ông đóng hụi sống được 8 kỳ của 02 phần hụi là 115.200.000 đồng.

Dây hụi 2: Ngày 25-3-2021, hụi một tháng khui một lần, hụi 3.000.000 đồng, gồm có 17 phần, có 16 hụi viên, hụi hoa hồng là 1.500.000 đồng, ông tham gia 02 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 25-3-2021. Ông đóng hụi sống được 14 kỳ của 02 phần hụi là 61.600.000 đồng.

Dây hụi 3: Ngày 15-01-2022, hụi một tháng khui một lần, hụi 5.000.000 đồng, gồm có 18 phần, có 16 hụi viên, hụi hoa hồng là 1.700.000 đồng, ông tham gia 03 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 15-01-2022. Ông đóng hụi sống được 15 kỳ của ba phần hụi 52.500.000 đồng.

Dây hụi 4: Ngày 03-4-2022, hụi một tháng khui một lần, hụi 3.000.000 đồng, gồm có 16 phần, có 16 hụi viên, hụi hoa hồng là 1.500.000 đồng, ông tham gia 01 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 03-4-2022. Ông đóng hụi sống được 02 kỳ là 4.600.000 đồng.

Dây hụi 5: Ngày 29-02-2022, hụi một tháng khui một lần, hụi 10.000.000 đồng, gồm có 12 phần, có 12 hụi viên, hụi hoa hồng là 3.000.000 đồng, ông tham

gia 01 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 29-02-2022. Ông đóng hụi sống được 3 kỳ là 21.600.000 đồng. Tổng cộng 5 dây hụi là 255.500.000, bà T có trả 25.000.000 đồng, số tiền còn lại là 230.500.000 đồng. Ông đồng ý khấu trừ phần hụi của bà Huỳnh Thị Tuyết Loan nợ bà T là 30.800.000 đồng, nên bà T và ông P còn nợ ông là 199.700.000 đồng.

Nay ông C yêu cầu bà T, ông P phải liên đới trả cho ông C 199.600.000 đồng (tổng cộng là 199.700.000 đồng nhưng do đơn khởi kiện ông yêu cầu trả 199.600.000 đồng nên ông vẫn giữ nguyên như đơn khởi kiện) vốn hụi, không tính lãi, yêu cầu trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với các dây hụi trên có lúc ông nhờ bà Nguyễn Thị Mộng T2 tại ấp Mới xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đóng hụi cho bà T giùm ông qua tài khoản của bà T do ông đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Các nguyên đơn trình bày: Việc tham gia hụi giữa bà T với các nguyên đơn ông P có nhận tiền hụi, có ký tên vào sổ hụi. Các nguyên đơn tiếp tục yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá các nguyên đơn yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Võ Thụy Kim T trình bày:

Qua lời trình bày của các nguyên đơn về các dây hụi, số tiền vốn hụi, số hụi viên, hụi hoa hồng, cũng như phần hụi các nguyên đơn đã hốt, phần đóng hụi sống và phần tiền vay là đúng. Riêng phần hụi và phần vốn vay đối với bà H thì bà chỉ xin trả vốn hụi, và phần vay cho bà H, tổng cộng còn lại là 142.200.000 đồng.

Đối với số nợ này chỉ có bà và các nguyên đơn biết, ông P không biết gì trong vụ án này. Bà đồng ý trả cho các nguyên đơn trong 03 tháng kể từ ngày 26-8-2022.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Quí P và ông Trần Thiện Ph do ông Bùi Duy T1 đại diện trình bày: Ông P không biết việc bà T tham gia hụi, việc tham gia hụi của bà T không nhằm mục đích phục vụ sinh hoạt chung trong gia đình, không tạo ra bất cứ tài sản nào trong thời gian bà T tham gia hụi. Khi bể hụi mọi người tìm đến nhà đòi nợ thì ông P mới biết nên tự bà T chịu trách nhiệm, ông không đồng ý liên đới cùng với bà T trả tiền cho các nguyên đơn.

Bà Phạm Thị Thúy L1 trình bày: 07 dây hụi ông Th yêu cầu bà T và ông P liên đới trả 293.630.000 đồng là các dây hụi của ông Th, bà chỉ đóng hụi giùm ông Th, không phải tiền của bà.

Bà Nguyễn Thị L trình bày: Các kỳ đóng hụi, giao hụi cho bà T, ông P, đây là số tiền bà đóng hụi giùm cho ông C là chồng của bà.

Bà Nguyễn Thị Mộng T2 trình bày: Qua lời trình bày của ông C là đúng, khi làm công nhân tại thành phố Hồ Chí Minh, ông C có nhờ bà chuyển khoản tiền đóng hụi cho bà T khoảng 02 lần tổng cộng khoảng 43.000.000 đồng, còn ngày

cụ thể thì bà không nhớ, việc tham gia hụi như thế nào thì giữa ông C và bà T thì bà không biết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành quyết định:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các điều 288, 357, 466, 468, 469, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 hướng dẫn về hụi, họ, biêu, phường và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc "Tranh chấp hụi, tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Võ Thụy Kim T, ông Trần Quí P.

Buộc bà T, ông P phải liên đới trả cho các nguyên đơn cụ thể như sau:

Ông Phạm Quốc Th tiền vốn hụi là 293.630.000 đồng (hai trăm chín mươi ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng)

Bà Phạm Thị H tiền vốn vay, tiền lãi và tiền vốn hụi là 213.365.000 đồng (hai trăm mười ba triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim H1 tiền vốn hụi là 334.905.000 đồng (ba trăm ba mươi bốn triệu chín trăm lẽ năm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ tiền vốn hụi là 150.435.000 đồng (một trăm năm mươi triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Ông Huỳnh Trung C tiền vốn hụi là 199.600.000 đồng (một trăm chín mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chí phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18-4-2023, bị đơn bà Võ Thụy Kim T kháng cáo không đồng ý trả tiền hụi cho ông Th và ông C, chỉ đồng ý trả tiền hụi cho bà L, bà T2 và bà L1; không đồng ý trả tiền hụi cho bà H đối với dây hụi ngày 10-3-2021, vì dây hụi này ngày 10-3-2023 mới mãn nhưng ngày 06-7-2022 bà H khởi kiện; không đồng ý trả tiền lãi cho bà H đối với số tiền vay 90.000.000 đồng.

Ngày 18-4-2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quí P kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không buộc ông liên đới với bà Võ Thụy Kim T trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của bà T và ông P trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Xét kháng cáo của bà T, trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn trình bày về các dây hụi, số tiền vốn hụi, số hụi viên, hụi hoa hồng, cũng như phần hụi các nguyên đơn đã hốt, phần đóng hụi sống và phần tiền vay. Bà T xác định có việc tham gia góp hụi và số tiền hụi bà còn thiếu như các nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên bà cho rằng người khởi kiện bà là ông Th và ông C bà không đồng ý mà số nợ hụi này là bà nợ bà L, bà T2, bà L1. Ông Th và ông C cho rằng hụi là do các ông góp và đóng lần đầu sau đó các ông có nhờ người đóng dùm là bà L, bà T2, bà L1. Bản thân những người này cũng đã có lời khai trong hồ sơ là hụi do ông Th và ông C góp với bà T chứ các bà không có góp, chỉ là người đóng hụi giùm. Nay bà T kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn nhưng không có căn cứ gì để chứng minh nên không chấp nhận.

Đối với số nợ của bà H, bà T thừa nhận còn nợ hụi 110.000.000 đồng riêng khoản tiền vay 90.000.000 đồng bà T xin xem xét tiền lãi phải trả. Tại Tòa đại diện bà H đồng ý không tính lãi khoản vay 90.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái quy định pháp luật và có lợi cho bà T nên cần xem xét chấp nhận một phần kháng cáo của bà T về vấn đề này.

Xét kháng cáo của ông P, ông P không đồng ý liên đới cùng bà T trả nợ: Xét thấy bà T, ông P là vợ chồng, việc các bên tham gia góp hụi trong thời kỳ hôn nhân của bà T và ông P vẫn đang tồn tại, việc bà T làm chủ hụi diễn ra trong thời gian dài. Bà T và người đại diện của ông P cho rằng ông P không biết, không có tham gia góp hụi giữa các bên nên ông P không đồng ý liên đới cùng bà T trả nợ cho các nguyên đơn, nhưng ông P là người trực tiếp thu gom tiền hụi của các hụi viên, có khi thu tiền hụi thông qua người khác nộp thay cho ông Th, ông C và cũng đã biết việc các nguyên đơn, bà T có tham gia góp hụi với nhau nên bà T, ông P phải có trách nhiệm liên đới trả cho các hụi viên số tiền vốn hụi, vốn vay, tiền lãi của từng người. Do đó cấp sơ thẩm buộc ông P liên đới cùng bà T trả tiền cho các nguyên đơn là phù hợp. Ông P kháng cáo không cung cấp chứng cứ mới nên không có cơ sở xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P đúng theo quy định tại các điều 272, 273, 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mộng T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Các nguyên đơn yêu cầu bà T, ông P phải liên đới trả cho các nguyên đơn tiền vốn hụi, tiền vốn vay và tiền lãi tổng cộng là 1.191.935.000 đồng gồm: Ông Th 293.630.000 đồng; bà H 213.365.000 đồng; bà H1 334.905.000 đồng; bà Đ 150.435.000 đồng và ông Huỳnh Trung C 199.600.000 đồng.

[4] Bà T xác định lời trình bày của các nguyên đơn về các dây hụi, số tiền vốn hụi, số hụi viên, hụi hoa hồng, cũng như phần hụi các nguyên đơn đã hốt, phần đóng hụi sống và phần tiền vay nêu trên là đúng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[5] Bà T kháng cáo không đồng ý trả tiền hụi cho ông Th và ông C, chỉ đồng ý trả tiền hụi cho bà L, bà T2 và bà L1; không đồng ý trả tiền hụi cho bà H đối với dây hụi ngày 10-3-2021, vì dây hụi này ngày 10-3-2023 mới mãn nhưng ngày 06-7-2022 bà H khởi kiện; không đồng ý trả tiền lãi cho bà H đối với số tiền vay 90.000.000 đồng. Xét thấy:

[6] Tại đơn khởi kiện các ngày 30-6-2022, ngày 15-8-2022 do ông Phạm Quốc Th ký tên; đơn khởi kiện các ngày 30-6-2022, ngày 17-8-2022 do ông Huỳnh Trung C ký tên. Tại bản tự khai ngày 28-02-2022, bà T cũng thừa nhận ông Th và ông C có tham gia góp hụi và còn nợ tiền hụi của ông Th và ông C. Bà L, bà T2 và bà L1 trình bày, các bà chỉ đóng hụi giùm cho ông Th và ông C, các dây hụi này không phải của các bà mà là của ông Th và ông C. Do đó, ông Th và ông C khởi kiện là đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, bà T kháng cáo không đồng ý trả tiền hụi cho ông Th và ông C, chỉ đồng ý trả tiền hụi cho bà L, bà T2 và bà L1 là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Đối với dây hụi của bà H tham gia ngày 10-3-2021, hụi một tháng khui một lần, hụi 10.000.000 đồng, gồm có 25 phần hụi, có 25 hụi viên, hụi hoa hồng là 5.000.000 đồng, bà T tham gia 01 phần, hụi bắt đầu khui vào ngày 10-3-2021. Xét thấy dây hụi này sẽ mãn vào ngày 10-3-2023 nhưng ngày 30-6-2022 bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu bà T trả tiền hụi chết còn thiếu 11 kỳ và Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý ngày 06-7-2022 là không đúng theo quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên, khi xét xử sơ thẩm là ngày 05-4-2023 thì dây hụi này cũng đã mãn nên không cần thiết phải hủy một phần bản án sơ thẩm để giải quyết lại sẽ kéo dài vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm, bà T cũng đồng ý trả cho bà H số tiền hụi chết còn thiếu 11 kỳ là 110.000.000 đồng. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bà T với lý do dây hụi này ngày 10-3-2023 mới mãn nhưng ngày 06-7-2022 bà H khởi kiện.

[8] Ngày 25-02-2022 bà T có vay của bà H số tiền 250.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất, bà T có trả 160.000.000 đồng, còn lại là 90.000.000 đồng. Bà H yêu cầu tiếp tục lãi tính lãi từ ngày 26-5-2022 – 26-02-2023, lãi suất 1,65%/tháng là 13.365.000 đồng. Nhận thấy, các bên đều thừa nhận bà T có trả

lãi nhưng không nhớ bao nhiêu. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H do ông Th đại diện đồng ý không tính lãi nên chấp nhận một phần kháng cáo của bà T, sửa một phần bản án sơ thẩm, bà T chỉ trả cho bà H vốn vay là 90.000.000 đồng, không phải trả tiền lãi.

[9] Xét thấy bà T, ông P là vợ chồng, các bên tham gia góp hụi trong thời kỳ hôn nhân của bà T và ông P; diễn ra trong thời gian dài, ông P có trực tiếp thu gom tiền hụi của các hụi viên, có khi thu tiền hụi thông qua người khác nộp thay cho ông Th, ông C; việc khui hụi diễn ra tại nhà bà T. Bà T không có chứng cứ chứng minh số tiền hụi bà T dùng để sử dụng cho cá nhân. Ông P kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không buộc ông liên đới với bà Võ Thụy Kim T trả nợ là không có cơ sở chấp nhận.

[10] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T, ông P phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn hụi, tiền vay và tiền lãi cho các nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các điều 288, 466 và 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 18, 23 và 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 hướng dẫn về hụi, họ, biêu, phường và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[11] Bà T kháng cáo được chấp nhận một phần, cần sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc bà T, ông P phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà H số tiền hụi 110.000.000 đồng và số tiền vay 90.000.000 đồng, tổng cộng 200.000.000 đồng.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà T, ông P phải liên đới chịu 47.357.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[13] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[14] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà T và không chấp nhận kháng cáo của ông P là có căn cứ.

[15] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Võ Thụy Kim T;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quí P;

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 37/2023/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành;

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 288, 357, 466, 468, 469, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 hướng dẫn về hụi, họ, biêu, phường và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Phạm Quốc Th, bà Phạm Thị H, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, bà Nguyễn Thị Kim H1 và ông Huỳnh Trung C về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi; vay tài sản" đối với bà Võ Thụy Kim T, ông Trần Quí P.

Buộc bà Võ Thụy Kim T, ông Trần Quí P phải có trách nhiệm liên đới trả cho các nguyên đơn cụ thể như sau:

Ông Phạm Quốc Th tiền vốn hụi là 293.630.000 đồng (hai trăm chín mươi ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng);

Bà Phạm Thị H tiền vốn vay, tiền lãi và tiền hụi là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng);

Bà Nguyễn Thị Kim H1 tiền vốn hụi là 334.905.000 đồng (ba trăm ba mươi bốn triệu chín trăm lẽ năm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ tiền vốn hụi là 150.435.000 đồng (một trăm năm mươi triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn đồng);

Ông Huỳnh Trung C tiền vốn hụi là 199.600.000 đồng (một trăm chín mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp tổng cộng là 2.600.000 đồng (hai triệu sáu trăm nghìn đồng, ông Th đã nộp xong). Bà Võ Thụy Kim T, ông Trần Quí P phải liên đới hoàn trả lại 2.600.000 đồng cho ông Phạm Quốc Th.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 05/2022/QĐ-BPKCTT ngày 06-7-2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Trung C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông C được nhận lại 6.400.000 đồng (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo

biên lai thu số 0007942 ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông Phạm Quốc Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Th được nhận lại 8.812.000 đồng (tám triệu tám trăm mười hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007943 ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị Kim H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà H1 được nhận lại 8.292.000 đồng (tám triệu hai trăm chín mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007944 ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đ được nhận lại 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007945 ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Bà Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà H được nhận lại 6.390.000 đồng (sáu triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007946 ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Bà Võ Thụy Kim T, ông Trần Quí P phải liên đới chịu 47.357.000 đồng (bốn mươi bảy triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thụy Kim T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà T số tiền 300.000 đồng tạm án phí phúc thẩm theo biên lai số 0006772 ngày 19-4-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành.

Ông Trần Quí P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm án phí phúc thẩm theo biên lai số 0006771 ngày 19-4-2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành để thi hành án phí.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thu